

Số: 2907/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 29 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực
tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 - 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKH ngày 07/02/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Thông tư số 03/2008/TT-BKH ngày 01/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 04/2008/NĐ-CP và Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 281/2007/QĐ-BKH ngày 26/3/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành định mức chi phí cho lập, thẩm định quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành và quy hoạch các sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 194/2006/QĐ-TTg ngày 24/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Phước thời kỳ 2006-2020;

Căn cứ Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 19/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1279TTTr-SKHĐT ngày 15/12/2011,



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 - 2020 với những nội dung sau:

I/ Quan điểm và mục tiêu phát triển:

1. Quan điểm phát triển:

Phát triển nhân lực tỉnh Bình Phước phải phù hợp với Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam và Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020; gắn chặt với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội từ nay đến 2020. Trên cơ sở đó, phát triển nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của các ngành, địa phương trong tỉnh. Theo đó, phát triển lực lượng lao động qua đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn giỏi là quan điểm xuyên suốt trong công tác quy hoạch phát nhân lực. Thay đổi cơ bản chất lượng lao động, nhất là lao động khu vực nông thôn, lao động là người dân tộc thiểu số; tăng năng suất lao động xã hội trong các ngành kinh tế chủ lực như nông nghiệp và sản phẩm công nghiệp chế biến từ nông, lâm nghiệp.

Thúc đẩy nhanh quá trình xã hội hóa dạy nghề, nâng cao chất lượng đào tạo nghề, tạo nhân lực có đủ khả năng tiếp nhận công nghệ tiên tiến trong nông nghiệp và sản phẩm mũi nhọn, công nghệ cao. Kết hợp giữa phát triển nhân lực tại chỗ và thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao từ các tỉnh khác (đặc biệt là từ Thành phố Hồ Chí Minh) đến làm việc lâu dài tại tỉnh Bình Phước. Ưu tiên phát triển nhân lực trong các ngành, lĩnh vực nông nghiệp - lâm nghiệp; chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng nhân lực cho đồng bào dân tộc thiểu số.

Phát triển nhân lực toàn diện cả về trí lực, thể lực, tâm lực phù hợp với trình độ phát triển của Bình Phước, thực hiện các mục tiêu quan trọng trong Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Phước đến năm 2020; Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ IX, nhiệm kỳ 2010-2015.

2. Mục tiêu phát triển:

a) Mục tiêu tổng quát:

Phát triển nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Thúc đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu lao động từ nhóm ngành có giá trị gia tăng thấp sang nhóm ngành có giá trị gia tăng cao, nâng cao năng suất lao động, nâng cao thu nhập của người lao động, cán bộ công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội, trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội và quản lý môi trường phát triển bền vững.

b) Mục tiêu cụ thể:

* Đến năm 2015:

Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tích cực, phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Cụ thể: tỷ trọng lao động làm việc trong các ngành nông, lâm, thủy sản là 62%, các ngành công nghiệp, xây dựng là 15% và các ngành dịch vụ là 23%. Năng suất lao động tăng nhanh từ 34,4 triệu đồng/lao động năm 2010 lên 63,3 triệu đồng/lao động năm 2015.

Phân đầu đạt tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt tỷ lệ 40% và đào tạo nghề đạt tỷ lệ 32%.

Cơ cấu đào tạo nghề theo các cấp trình độ: sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng là 80%; trình độ trung cấp nghề là 13%; cao đẳng nghề là 7%.

* Đến năm 2020:

Tiếp tục chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động theo hướng tích cực. Tỷ trọng lao động làm việc trong các ngành nông, lâm, thủy sản là 45%, các ngành công nghiệp, xây dựng là 28% và các ngành dịch vụ là 27%. Năng suất lao động tăng từ 63,3 triệu đồng/lao động năm 2015 lên 133 triệu đồng/lao động năm 2020.

Phân đầu đạt tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70% và đào tạo nghề đạt 60%.

Cơ cấu đào tạo nghề theo các cấp trình độ: sơ cấp và dạy nghề dưới ba tháng là 71%; trình độ trung cấp nghề chiếm 16%; cao đẳng nghề chiếm 13,6%.

II/ Phương hướng phát triển nhân lực đến năm 2020:

1. Phát triển nhân lực theo bậc đào tạo:

Mục tiêu đến năm 2015, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 40%, tương ứng 226,7 nghìn lao động; trong đó: dạy nghề dưới 3 tháng và sơ cấp là 143,7 nghìn người - chiếm 63,4% tổng số lao động được đào tạo, trình độ trung cấp là 44,1 nghìn người - chiếm 19,5%, cao đẳng là 22,8 nghìn người - chiếm 10% và đại học trở lên là 16,2 nghìn người - chiếm 7,1%.

Đến năm 2020, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%, tương ứng 448,1 nghìn lao động; trong đó: dạy nghề dưới 3 tháng và sơ cấp là 272,6 nghìn người, chiếm 60,8%, trình độ trung cấp là 87,7 nghìn người, chiếm 19,6%, cao đẳng là 66,4 nghìn người, chiếm 14,8% và đại học trở lên là 21,4 nghìn người, chiếm 4,8%.

a) Đào tạo nghề:

Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 32%, tương ứng 179,6 nghìn lao động; trong đó: dạy nghề dưới 3 tháng và sơ cấp là 143,7 nghìn người, chiếm 80% tổng số lao động qua đào tạo nghề, trình độ trung cấp nghề là 23,3 nghìn người, chiếm 13%, cao đẳng nghề là 12,6 nghìn người, chiếm 7%.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 60%, tương ứng 387,2 nghìn lao động; trong đó: dạy nghề dưới 3 tháng và sơ cấp là 272,6 nghìn người, chiếm 70,4%, trình độ trung cấp nghề là 62 nghìn người, chiếm 16%, cao đẳng nghề là 52,7 nghìn người, chiếm 13,6%.

b) Đào tạo chuyên nghiệp:

Mục tiêu đến năm 2015, tổng lao động qua đào tạo chuyên nghiệp chiếm 20,8% tổng lao động qua đào tạo, tương ứng 47,2 nghìn người; trong đó, giáo dục trình độ từ cao đẳng trở lên là 26,4 nghìn người, trình độ trung cấp có 20,8 nghìn người.

Đến năm 2020, đào tạo chuyên nghiệp có 60,9 nghìn người; trong đó, giáo dục đại học là 35,1 nghìn người, trình độ trung cấp có 25,8 nghìn người.

Đến năm 2020 toàn tỉnh có 330 sinh viên/1 vạn dân.

2. Phát triển nhân lực các ngành, lĩnh vực:

a) Ngành thương mại, dịch vụ:

Tỷ trọng lao động dịch vụ trong tổng lao động của nền kinh tế đạt 23% năm 2015 và 27% năm 2020.

- Lĩnh vực bán buôn, bán lẻ:

Tổng lao động ngành bán buôn, bán lẻ năm 2015 khoảng 52 nghìn người, năm 2020 khoảng 77 nghìn người. Tỷ lệ nhân lực qua đào tạo đạt khoảng 40% vào năm 2015 và 60% vào năm 2020. Trong tổng số lao động qua đào tạo, trình độ sơ cấp nghề và dưới 3 tháng chiếm khoảng 65% vào năm 2015 và 50% vào năm 2020; trình độ trung cấp chiếm 30% vào năm 2015 và 45% vào năm 2020; trình độ cao đẳng và đại học trở lên khoảng 5% từ sau năm 2015.

Tỷ lệ lao động được bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng làm việc trong tổng số lao động qua đào tạo của ngành là 35 - 40% ở giai đoạn 2011-2015 và 25 - 30% ở giai đoạn 2016-2020.

- Lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn:

Lao động ngành du lịch, khách sạn, nhà hàng năm 2015 chiếm 40%, năm 2020 chiếm 60%. Lao động qua đào tạo, trình độ sơ cấp nghề và dưới 3 tháng chiếm khoảng 60% năm 2015 và 45% năm 2020; lao động có trình độ trung cấp chiếm 35% năm 2015 và 50% năm 2020; trình độ cao đẳng và đại học trở lên khoảng 5% từ sau năm 2015.

Tỷ lệ lao động được đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng làm việc trong tổng số lao động qua đào tạo của ngành du lịch, khách sạn, nhà hàng là 40-45% thời kỳ 2011-2015 và 30-35% thời kỳ 2016-2020.

- Lĩnh vực ngân hàng, tài chính, bảo hiểm:

Tỷ lệ nhân lực ngành ngân hàng, tài chính, bảo hiểm được đào tạo khoảng 90% vào năm 2015 và 95% vào năm 2020. Trong đó, lao động có

trình độ trung cấp chiếm 15% năm 2015 và 10% năm 2020; lao động có trình độ cao đẳng và đại học đạt 83% từ năm 2015 và sau đại học khoảng 2-5% từ năm 2015.

Tỷ lệ lao động được đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng làm việc trong tổng số lao động qua đào tạo đạt 15-20% thời kỳ 2011-2015 và 10-15% thời kỳ 2016-2020.

- Ngành Khoa học Công nghệ:

Đến năm 2015, tổng nhân lực hoạt động trong ngành khoa học công nghệ khoảng 1,7 nghìn người; năm 2020 khoảng 2,2 nghìn người; tỷ lệ nhân lực được đào tạo đạt 100%. Trong đó, trình độ cao đẳng và đại học trở lên đạt 65% năm 2015 và trên 70% năm 2020.

Tỷ lệ lao động được bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng làm việc trong tổng số lao động qua đào tạo của ngành Khoa học và Công nghệ từ 20-25% ở thời kỳ 2011-2015 và 15-20% ở thời kỳ 2016-2020.

- Ngành Giáo dục và Đào tạo:

Nhân lực hoạt động trong ngành giáo dục, đào tạo, dạy nghề được đào tạo 100% tổng số.

Đến năm 2020 có khoảng 60% số giáo viên mầm non và 90% số giáo viên tiểu học đạt trình độ từ cao đẳng trở lên; 90% số giáo viên trung học cơ sở và trung học phổ thông đạt trình độ đại học trở lên; trên 15% số giáo viên ở các trường trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề và 30% số giáo viên ở các trường cao đẳng nghề đạt trình độ thạc sỹ trở lên; trên 50% giảng viên cao đẳng đạt trình độ thạc sỹ trở lên; trong đó, có trên 3% là tiến sỹ; 80% giảng viên đại học đạt trình độ thạc sỹ trở lên; trong đó có trên 33% trình độ tiến sỹ.

Các trường dạy nghề: đảm bảo 100% giáo viên dạy nghề đạt chuẩn và 5% giáo viên của các trường trung cấp có trình độ sau đại học.

- Lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng:

Tổng nhân lực hoạt động trong ngành y tế, chăm sóc sức khỏe năm 2015 khoảng 9,1 nghìn người, năm 2020 khoảng 11,8 nghìn người, đạt 100% nhân lực của ngành được đào tạo.

- Lĩnh vực văn hóa, thể thao, nghệ thuật:

Nhân lực hoạt động trong ngành đến năm 2015 khoảng 900 người, năm 2020 khoảng 1.300 người; đạt 100% nhân lực của ngành được đào tạo.

b) Lĩnh vực công nghiệp, xây dựng:

Tốc độ tăng lao động trong ngành công nghiệp, xây dựng khoảng 10-12%/năm. Đến năm 2015, tổng số nhân lực hoạt động trong ngành công nghiệp, xây dựng đạt khoảng 82,9 nghìn, chiếm 15% vào năm 2015 và đạt 127,1 nghìn người, chiếm 28% tổng số lao động trong toàn nền kinh tế vào năm 2020.

Tỷ lệ nhân lực làm việc trong ngành công nghiệp, xây dựng được đào tạo khoảng 50% vào năm 2015 và 65% vào năm 2020; trong đó: trình độ sơ cấp nghề và dưới 3 tháng chiếm khoảng 85% vào năm 2015 và chiếm 75% vào năm 2020; trình độ trung cấp chiếm từ 10% vào năm 2015 và 20% vào năm 2020; trình độ cao đẳng và đại học trở lên khoảng 5% từ sau năm 2015.

c) Lĩnh vực nông, lâm, thủy sản:

Dự báo nhu cầu lao động nông, lâm, thủy sản năm 2015 khoảng 342,5 nghìn người, chiếm 62% lao động của nền kinh tế và đạt 287,4 nghìn người năm 2020, chiếm 45% lao động toàn nền kinh tế.

Tỷ lệ nhân lực qua đào tạo trong khu vực nông, lâm, ngư nghiệp đạt 35% vào năm 2015 và đạt 45% vào năm 2020. Trong đó: Trình độ sơ cấp nghề và dưới 3 tháng chiếm khoảng 90% vào năm 2015 và chiếm khoảng 80% vào năm 2020; trình độ trung cấp chiếm 8% vào năm 2015 và chiếm 18% vào năm 2020; trình độ cao đẳng và đại học trở lên chiếm khoảng 2% từ sau năm 2015.

Tập trung đào tạo chuyên môn kỹ thuật ở các ngành kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, lâm sinh, quản lý tưới tiêu, cấp thoát nước và vệ sinh môi trường nông thôn, quản lý và dịch vụ nông nghiệp, các ngành nông nghiệp sạch, công nghệ sinh học, giống cây trồng, vật nuôi.

III/ Giải pháp thực hiện quy hoạch:

1. Phát triển giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên:

Thực hiện chuẩn hóa cơ sở vật chất kỹ thuật cho tất cả các trường, chú trọng đến xây dựng phòng học, phòng thí nghiệm, phòng bộ môn và phương tiện dạy học ở các cấp học và trình độ đào tạo.

Mở rộng mạng lưới các cơ sở giáo dục thường xuyên. Tất cả các thị xã, huyện có Trung tâm Giáo dục thường xuyên - hướng nghiệp - dạy nghề; các xã, phường, thị trấn có Trung tâm học tập cộng đồng. Phát triển các chương trình giáo dục thường xuyên nhằm đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của cộng đồng, giúp cho người học hoàn thiện nhân cách, mở rộng hiểu biết, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu công việc và nâng cao chất lượng cuộc sống.

2. Phát triển giáo dục chuyên nghiệp:

Giai đoạn 2011-2015, chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, quản lý để đến giai đoạn 2016-2020 nâng cấp Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Phước thành trường Đại học Bình Phước có chức năng đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực trong giai đoạn 2016-2020. Trường Đại học Bình Phước sẽ trở thành trung tâm đào tạo nhân lực chất lượng cao phục vụ cho các ngành kinh tế có nhiều tiềm năng và lợi thế; là trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Phước.

Nghiên cứu để xây mới trường cao đẳng đào tạo chuyên ngành về nông - lâm nghiệp trước năm 2020 nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực của các địa phương trong tỉnh.

Thường xuyên nâng cấp, đầu tư hạ tầng cơ sở, trang thiết bị và hợp tác với các địa phương trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam để đào tạo bồi dưỡng chuyên môn cho lực lượng giảng viên các trường đại học, cao đẳng, trung cấp trên địa bàn.

3. Phát triển nhanh và bền vững đào tạo nghề:

a) Phát triển nhanh các cơ sở dạy nghề:

Thời kỳ 2011-2015: tiếp tục nâng cấp mở rộng quy mô dạy nghề, ngành nghề đào tạo cũng như đầu tư trang thiết bị dạy nghề cho 3 Trung tâm dạy nghề Bình Long, Bù Đăng và Phước Long. Xây mới các Trung tâm dạy nghề ở các huyện: Đồng Phú, Bù Gia Mập, Lộc Ninh, Bù Đốp và Hớn Quản. Các huyện chưa có Trung tâm dạy nghề cần được hỗ trợ kinh phí mua sắm trang thiết bị dạy nghề tại các Trung tâm Giáo dục thường xuyên.

Giai đoạn 2016-2020: sẽ tiếp tục nâng cấp mở rộng quy mô dạy nghề, ngành nghề đào tạo cũng như đầu tư trang thiết bị dạy nghề ở tất cả các Trung tâm dạy nghề. Những huyện có quy mô dân số lớn như Bù Gia Mập, Bù Đăng có thể mở thêm 1 Trung tâm dạy nghề.

Phát triển các Trung tâm dạy nghề đào tạo nghề ở trình độ sơ cấp, dạy nghề dưới 3 tháng nhằm phổ cập nghề và đào tạo lại nghề cho người lao động góp phần tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động, chuyển dịch cơ cấu lao động; chú trọng đào tạo nghề cho lao động nông thôn và dân tộc thiểu số. Đối với các Trung tâm dạy nghề cho lao động nông thôn thực hiện theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020.

b) Phát triển các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề:

Giai đoạn 2011 - 2015: mở rộng quy mô và ngành nghề đào tạo, đầu tư trang thiết bị dạy nghề cho Trường Trung cấp nghề Tôn Đức Thắng. Nâng cấp trường Trung cấp Y tế Bình Phước lên thành Trường Cao đẳng Y tế trước năm 2015.

Giai đoạn 2016-2020: nâng cấp trường Trung cấp nghề Tôn Đức Thắng thành Trường Cao đẳng nghề Tôn Đức Thắng. Đồng thời, đầu tư đồng bộ để trường cao đẳng nghề Tôn Đức Thắng có năng lực đào tạo một số nghề đạt chuẩn quốc gia, tiên tiến có năng lực đào tạo theo chương trình dạy nghề tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới nhằm đáp ứng nhu cầu lao động chất lượng cao cho các ngành kinh tế mũi nhọn, các khu công nghiệp. Đồng thời, thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề cho giáo viên, giảng viên dạy nghề.

c) Tăng cường nhanh đội ngũ giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý dạy nghề:

Giai đoạn 2011-2015 chú trọng phát triển đội ngũ giáo viên dạy sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng, nhất là giáo viên dạy nghề cho lao động nông thôn. Đối với giáo viên dạy nghề cho lao động nông thôn thực hiện theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020.

d) Từng bước chuẩn hóa, hiện đại hóa cơ sở vật chất và thiết bị dạy nghề:

Tiến tới chuẩn hóa các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề và các Trung tâm dạy nghề đảm bảo các điều kiện phục vụ giảng dạy, thực hành, an toàn lao động và phù hợp với chương trình đào tạo nghề theo cam kết. Đồng bộ hóa các thiết bị dạy nghề phù hợp với từng nghề, từng trình độ đào tạo bao gồm: trang thiết bị cơ bản, thiết bị mô phỏng và các thiết bị tiên tiến phù hợp với thực tế sản xuất, kinh doanh.

e) Từng bước đổi mới, phát triển chương trình, giáo trình và phương pháp giảng dạy:

Phân đầu các trường cao đẳng nghề và trung cấp nghề có chương trình khung theo từng trình độ; khuyến khích áp dụng chương trình dạy nghề tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới. Thường xuyên cập nhật, đổi mới chương trình dạy nghề đáp ứng yêu cầu sản xuất, điều hành của doanh nghiệp. Nâng cấp trình độ cho giáo viên, giảng viên chủ lực ở các cơ sở dạy nghề và phát triển chương trình, giáo trình dạy nghề ở trong và ngoài nước. Liên thông giữa các cấp trình độ dạy nghề; chọn những ngành nghề phù hợp để phát triển liên thông với chương trình dạy nghề tương ứng của nước ngoài.

4. Đổi mới quản lý nhà nước về phát triển nhân lực

a) Nâng cao nhận thức toàn xã hội về phát triển nhân lực:

Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các cơ sở giáo dục, đào tạo, hướng nghiệp - dạy nghề, các tổ chức khoa học và công nghệ với các phương tiện thông tin đại chúng thường xuyên tuyên truyền các chủ trương, chính sách, pháp luật về phát triển nhân lực của Đảng, Nhà nước và của tỉnh. Đặc biệt, đẩy mạnh hoạt động thông tin, tuyên truyền về năng lực đào tạo của các cơ sở đào tạo và cơ hội việc làm từ các doanh nghiệp. Phối hợp các hoạt động tư vấn nghề nghiệp tại cơ sở đào tạo, dạy nghề và tại doanh nghiệp, tạo điều kiện cho sinh viên, học viên, người lao động lựa chọn ngành nghề phù hợp ngay từ khi vào trường, đồng thời có nhiều thông tin cần thiết về việc làm khi tốt nghiệp có việc làm ngay.

b) Hoàn thiện bộ máy quản lý phát triển nhân lực, đổi mới phương pháp quản lý, nâng cao năng lực, hiệu lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý.

c) Cải tiến và tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành về phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh.

5. Xây dựng và hoàn thiện chính sách và công cụ khuyến khích và thúc đẩy phát triển nhân lực:

a) Chính sách tài chính và sử dụng ngân sách cho phát triển nhân lực:

Ngân sách Nhà nước ưu tiên đầu tư phát triển nhân lực thông qua các chương trình, dự án của Quy hoạch này và thông qua các kế hoạch, đề án phát triển nhân lực.

b) Hoàn thiện chính sách về dạy nghề:

* Chính sách đối với người học nghề:

Miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên thực hiện theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015 và triển khai thực hiện theo chính sách mới của Chính phủ về học phí cho những năm tiếp theo. Nghiên cứu áp dụng bổ sung miễn học phí cho học sinh, sinh viên học các nghề thuộc danh mục các nghề có điều kiện lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và các nghề khó tuyển sinh theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội...

Duy trì hỗ trợ thường xuyên chi phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn thực hiện theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho bộ đội xuất ngũ thực hiện theo Quyết định số 121/2009/QĐ-TTg ngày 09/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hoạt động của các cơ sở dạy nghề thuộc Bộ Quốc phòng và chính sách hỗ trợ bộ đội xuất ngũ học nghề.

Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho phụ nữ thực hiện theo Quyết định số 295/QĐ-TTg ngày 26/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ phụ nữ học nghề, tạo việc làm giai đoạn 2010 - 2015.

Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề thanh niên thực hiện theo Quyết định số 103/2008/QĐ-TTg ngày 21/7/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Hỗ trợ thanh niên học nghề và tạo việc làm giai đoạn 2008 - 2015".

* Chính sách đối với giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý dạy nghề:

Phụ cấp cho giảng viên, giáo viên dạy nghề đạt 3 tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, trình độ kỹ năng nghề và chuẩn sư phạm dạy nghề.

Giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý dạy nghề được cử đi học nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ ở nước ngoài bằng nguồn Ngân sách Nhà nước theo hợp đồng đào tạo.

Chính sách đối với giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý dạy nghề cho lao động nông thôn thực hiện theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

* Chính sách đối với trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề, Trung tâm dạy nghề:

Hỗ trợ kinh phí cho đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề có đào tạo những nghề thuộc danh mục các nghề có



điều kiện lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và các nghề khó tuyển sinh theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Chính sách hỗ trợ phù hợp để khuyến khích các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề ngoài công lập như hỗ trợ đào tạo giáo viên dạy nghề, cán bộ quản lý, phát triển chương trình như các trường công lập.

Tạo điều kiện thuận lợi, có chính sách ưu đãi thiết thực cho các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề (công lập và ngoài công lập) được tiếp cận và có thể vay tín dụng ưu đãi, tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước theo quy định của pháp luật.

* Chính sách xã hội hóa dạy nghề:

Ưu đãi tín dụng, thuế, hỗ trợ Ngân sách nhà nước đào tạo... để huy động cao nhất các doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, làng nghề tham gia phát triển dạy nghề dưới nhiều hình thức như tổ chức đào tạo tại doanh nghiệp, đầu tư cơ sở dạy nghề, liên kết với các cơ sở dạy nghề để nâng cao trình độ, kỹ năng cho người lao động; vận động chủ doanh nghiệp chia sẻ, đóng góp kinh phí đào tạo nghề khi tiếp nhận lao động qua đào tạo nghề vào làm việc tại doanh nghiệp.

Khuyến khích các cơ sở dạy nghề thực hiện chương trình dạy nghề chất lượng cao, nhóm ngành nghề công nghệ cao được thu học phí tương xứng để duy trì và phát triển quy mô đào tạo.

Thực hiện tốt Quyết định số 673/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Hội Nông dân Việt Nam trực tiếp tham gia thực hiện và phối hợp thực hiện một số chương trình, đề án phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa nông thôn giai đoạn 2011-2020.

e) Chính sách đãi ngộ và thu hút nhân tài:

Đề tạo đột phá trong phát triển nhân lực phải chú trọng đến bố trí và sử dụng nguồn nhân lực trẻ, được đào tạo cơ bản, tạo điều kiện cho công chức, viên chức trẻ được thăng tiến, đề bạt, bổ nhiệm vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý...

Thực hiện chế độ phụ cấp và đãi ngộ đặc biệt (nhà ở, đào tạo..) cho nhân lực có trình độ cao, tạo điều kiện cho các tài năng nâng cao thu nhập bằng trí tuệ và năng lực.

Xây dựng cơ sở dữ liệu về các cán bộ khoa học công nghệ ở trong nước và các chuyên gia là Việt kiều và người nước ngoài trong các ngành mũi nhọn, lĩnh vực quan trọng; từ đó, thu hút các nhà khoa học trình độ cao tham gia công tác giảng dạy, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tại các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ của tỉnh Bình Phước.

6. Mở rộng, tăng cường sự phối hợp và hợp tác phát triển nhân lực:

a) Tăng cường hơn nữa sự hợp tác trong nước và quốc tế để phát triển nhanh về dạy nghề:

Đề đạt mục tiêu về đào tạo nghề cho người lao động, mở rộng hợp tác, liên kết đào tạo dưới nhiều hình thức là giải pháp cấp thiết của tỉnh trong 10 năm tới. Bình Phước có lợi thế gần các trung tâm đào tạo lớn của Vùng, như Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, mở rộng hợp tác, liên kết đào tạo cho cả người lao động và cho đội ngũ giáo viên ở các cơ sở dạy nghề là giải pháp hữu hiệu. Chú trọng đến việc hợp tác với các nước phát triển trong khu vực như Hàn Quốc, Singapore... trong phát triển các trường dạy nghề ở các khu công nghiệp (có thể học hỏi, tham khảo theo mô hình của tỉnh Bình Dương như Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Singapore).

Khuyến khích các trường dạy nghề của tỉnh hợp tác với các trường đào tạo nghề của các địa phương khác, đặc biệt là với Thành phố Hồ Chí Minh. Mở rộng trao đổi và học tập kinh nghiệm của các trường dạy nghề, kể cả hình thức hợp tác đội ngũ cán bộ giảng dạy theo “hình thức con thoi” để tăng thêm đội ngũ giảng dạy có chất lượng cao cho các cơ sở đào tạo của tỉnh.

Thu hút các dự án dạy nghề, nâng cao năng lực nguồn nhân lực bằng nguồn vốn ODA; tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư nước ngoài thành lập cơ sở dạy nghề quốc tế trên địa bàn tỉnh.

b) Tăng cường gắn kết giữa cơ sở dạy nghề với doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Tỉnh:

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các trung tâm dịch vụ đào tạo và cung ứng nhân lực ở các huyện, thị xã để kết nối cơ sở dạy nghề với doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn.

Thành lập bộ phận quan hệ với doanh nghiệp ở các cơ sở dạy nghề, tổ chức cung ứng thông tin cho các doanh nghiệp về loại hình, ngành nghề đào tạo; huy động sự tham gia của doanh nghiệp trong việc xây dựng chương trình khung, chương trình, giáo trình, giảng dạy, thực tập sản xuất và đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên; tư vấn, giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên; nắm bắt thông tin từ các doanh nghiệp về quy mô, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ cho các cơ sở dạy nghề.

Mở rộng hình thức dạy nghề theo hợp đồng đặt hàng đào tạo giữa cơ sở dạy nghề với doanh nghiệp đảm bảo cho người học nghề sau khi kết thúc khóa học có việc làm.

Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phát triển nhân lực dưới nhiều hình thức: mời chuyên gia nước ngoài tham gia giảng dạy, chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức thông qua các chương trình hội thảo khoa học;

Tranh thủ các nguồn hỗ trợ phát triển giáo dục, đào tạo, tăng cường năng lực của các tổ chức quốc tế như WB, OECD, ADB... để phát triển hệ thống giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát triển nhân lực.

7. Tổ chức thực hiện Quy hoạch

Sau khi Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011-2020 được phê duyệt, phải thông báo rộng rãi đến các ngành, các cấp để thực



hiện. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của UBND tỉnh, các cơ quan, ban, ngành phối hợp chặt chẽ triển khai. Tùy theo ngành, cấp mình có kế hoạch cụ thể xây dựng kế hoạch thực hiện, xây dựng các dự án ưu tiên theo ngành và theo lãnh thổ. Để làm tốt Quy hoạch này, công tác tổ chức sẽ phân công theo hướng sau:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu UBND tỉnh về chủ trương đầu tư và cân đối vốn xây dựng trường, lớp học, đặc biệt quan tâm tham mưu bố trí vốn thực hiện kế hoạch xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia thời kỳ 2011-2020; đồng thời, thực hiện đầu tư hoàn chỉnh Trường Trung cấp nghề của tỉnh và Trung tâm dạy nghề huyện.

Tham mưu UBND tỉnh triển khai Quy hoạch này đến các ngành, các cấp; cụ thể hóa các chỉ tiêu hàng năm để lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh; theo dõi, đôn đốc các sở, ngành, địa phương tổ chức thực hiện Quy hoạch này và tổng hợp tình hình triển khai, thực hiện báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

b) Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan và UBND các huyện, thị xã thực hiện công tác đào tạo nghề.

c) Sở Tài chính phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ trong việc sử dụng và cân đối ngân sách sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

d) Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ trong việc đề xuất và xây dựng các đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề nhằm đổi mới phương pháp quản lý, phương pháp giảng dạy, các giải pháp để phát triển công tác giáo dục, đào tạo và dạy nghề của tỉnh.

e) Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy và học tập. Đồng thời, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền những chủ trương, chính sách về giáo dục, đào tạo và dạy nghề, nhằm kêu gọi, khuyến khích xã hội hóa giáo dục trên địa bàn.

f) Sở Y tế chỉ đạo các Trung tâm Y tế cấp huyện và Trung tâm Y tế dự phòng phối hợp với các cơ sở giáo dục và dạy nghề trên địa bàn trong việc thực hiện công tác y tế học đường nhằm chăm sóc sức khỏe giáo viên và học sinh, sinh viên... công tác an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng, chống sốt xuất huyết và công tác nha học đường.

g) Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Bình Phước tích cực tuyên truyền các chủ trương, chính sách về giáo dục và dạy nghề, kêu gọi các tập thể, cá nhân và toàn xã hội cùng quan tâm chăm lo cho sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề của địa phương.

h) UBND cấp huyện:

- Tăng cường chỉ đạo thực hiện các mục tiêu phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề trên địa bàn, trong đó chú ý thực hiện tốt công tác huy động học sinh đến trường; tích cực chỉ đạo xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp phục vụ công tác giảng dạy và học tập.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo đẩy mạnh công tác dạy nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ; chỉ đạo củng cố, kiện toàn tổ chức nhân sự làm công tác quản lý dạy nghề và giải quyết việc làm, đảm bảo có sự gắn kết giữa dạy nghề với giải quyết việc làm.

Điều 2. Các ông/bà Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã căn cứ Quyết định thi hành, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- VPCP;
- Các Bộ: KHĐT, TC, LĐTBXH;
- TT.TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ngành cấp tỉnh;
- UBND huyện, thị xã;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT(qđ 171-11).


CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Huy Phong